

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện - thủy lợi Nậm Pía 1, tỉnh Sơn La của Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Pía và Hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Pía (địa chỉ tại số 234, ngõ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: thủy điện - thủy lợi Nậm Pía 1.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phát điện và tạo nguồn nước cấp phục vụ tưới cho khoảng 41ha diện tích đất nông nghiệp.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: suối Nậm Pía, phụ lưu cấp 1 của sông Đà (tận dụng lượng nước xả sau phát điện của công trình thủy điện Nậm Pía).

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:

- Vị trí tuyến đập nằm ở xã Chiềng Hoa, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Tọa độ (hệ tọa độ VN2000) các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Bể lắng cát	2370916	515127
2	Nhà máy thủy điện	2370241	513120

5. Chế độ khai thác: công trình thủy điện - thủy lợi Nậm Pía 1 vận hành phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ vận hành phát điện của công trình thủy điện Nậm Pía ở phía thượng lưu. ✓

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: Công suất lắp máy là 6,8MW; lưu lượng lớn nhất qua nhà máy thủy điện là 13,2 m<sup>3</sup>/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: công trình thủy điện Nậm Pia 1 là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, lấy nước trực tiếp từ kênh xả nhà máy thủy điện Nậm Pia, qua bể lắng cát (bể thu nước) theo kênh dẫn và đường hầm, bể áp lực, đường ống áp lực về nhà máy thủy điện để phát điện, nước sau phát điện được xả trả lại suối Nậm Pia cách bể lắng cát khoảng 3,8km về phía hạ lưu. Đồng thời, cấp nước tưới cho khoảng 41ha lúa 02 vụ qua hệ thống ống nhánh lấy nước từ bể lắng cát và bố trí dọc theo tuyến năng lượng.

8. Thời hạn của Giấy phép là mười (10) năm.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Pia chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ theo lệnh vận hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán thiếu nước và các trường hợp khẩn cấp khác.

2. Bảo đảm đủ nguồn nước để cấp nước tưới cho khoảng 41ha diện tích đất nông nghiệp và nhu cầu sử dụng nước của nhân dân phụ thuộc vào nguồn nước suối Nậm Pia (từ bể lắng cát đến nhà máy thủy điện Nậm Pia 1); trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước phải ưu tiên việc điều tiết, cấp nước tưới cho nông nghiệp và nhu cầu sử dụng nước của nhân dân.

3. Xây dựng quy chế và phương án phối hợp vận hành giữa công trình thủy điện Nậm Pia 1, công trình thủy điện Nậm Pia và các công trình thủy điện phía thượng lưu trong việc bảo đảm an toàn công trình, điều tiết giảm lũ và bảo đảm đủ nguồn nước để cấp nước tưới cho khoảng 41ha diện tích đất nông nghiệp của nhân dân các bản Nà Cưa, Huổi Lay và bản Pia.

4. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống các công trình thủy lợi phía hạ lưu để điều chỉnh chế độ, lưu lượng cấp nước tưới từ bể lắng cát, tuyến năng lượng của công trình thủy điện Nậm Pia 1 cho phù hợp với chế độ sử dụng nước tưới, bảo đảm cấp đủ nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

5. Lắp đặt thiết bị đo đạc tự động, giám sát trực tuyến lưu lượng phát điện của nhà máy; lắp đặt camera giám sát việc xả nước; truyền thông tin, dữ liệu tới Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

6. Bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác hàng ngày, tháng, năm.

7. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, có phương án để đối phó với các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng, tài sản của nhân dân và bảo đảm không gây lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình. 4

8. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu nhà máy trước khi vận hành xả nước qua phát điện.

9. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

10. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

11. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

12. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

13. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

14. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình thủy điện - thủy lợi Nậm Pịa 1 và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Pịa được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2019.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- UBND tỉnh Sơn La;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT tỉnh Sơn La;
- Cục Thuế tỉnh Sơn La;
- Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Pịa (02);
- Lưu: VT, VPMC Bộ TN&MT, Hồ sơ cấp phép (02), TNN (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Công Thành**